

Ngày 30/06/2025	10,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	5.3%	0%	13.6%

	Q2/25	
ROE	1.1%	+/- YoY ▼ 0.6%

	Q2/25		
DT thuần	20.5	QoQ ▲ 1.70 ▲ 9.3%	YoY ▼ 9.40 ▼ 31.3%
		tỷ VNĐ	

	6T 2025	
DT thuần	39.4	YoY ▼ 20.1 ▼ 33.8%
		tỷ VNĐ

	Q2/25		
LN gộp	1.82	QoQ ▼ 0.91 ▼ 33.2%	YoY ▼ 2.31 ▼ 55.8%
		tỷ VNĐ	

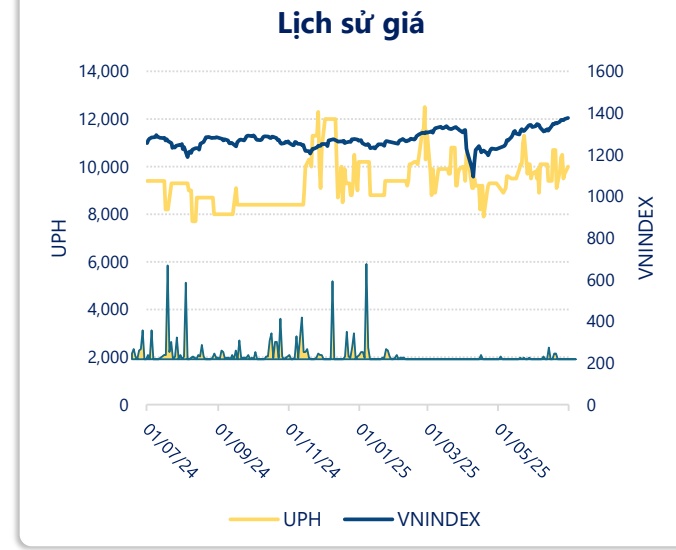
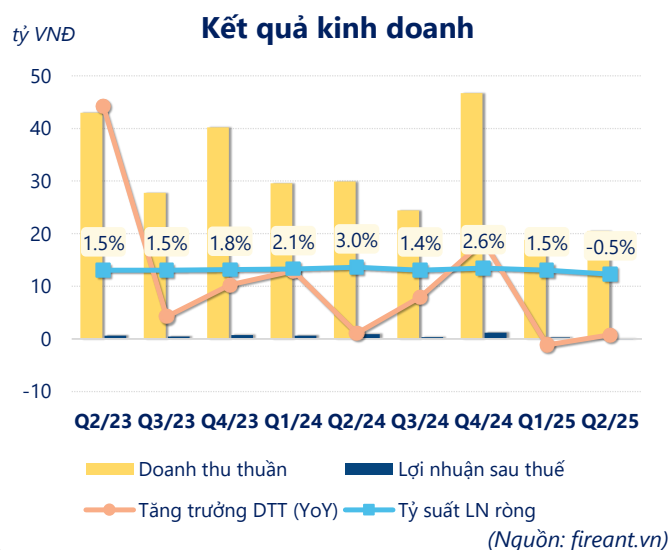
	6T 2025	
LN gộp	4.56	YoY ▼ 3.85 ▼ 45.8%
		tỷ VNĐ

	Q2/25		
LN thuần	-0.11	QoQ ▼ 0.51 ▼ 128%	YoY ▼ 1.01 ▼ 112%
		tỷ VNĐ	

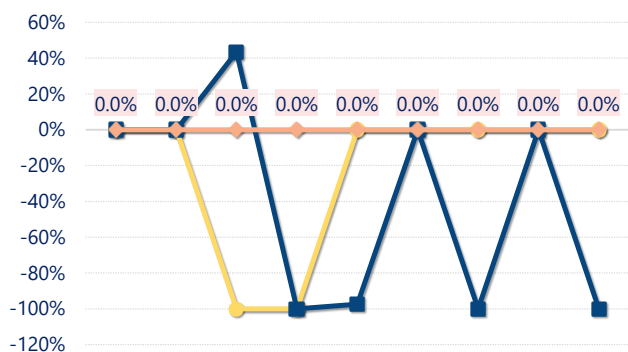
	6T 2025	
LN thuần	0.29	YoY ▼ 1.23 ▼ 81.0%
		tỷ VNĐ

	Q2/25		
LN sau thuế	-0.11	QoQ ▼ 0.40 ▼ 138%	YoY ▼ 1.00 ▼ 112%
		tỷ VNĐ	

	6T 2025	
LN sau thuế	0.18	YoY ▼ 1.33 ▼ 88.2%
		tỷ VNĐ



Tăng trưởng lợi nhuận

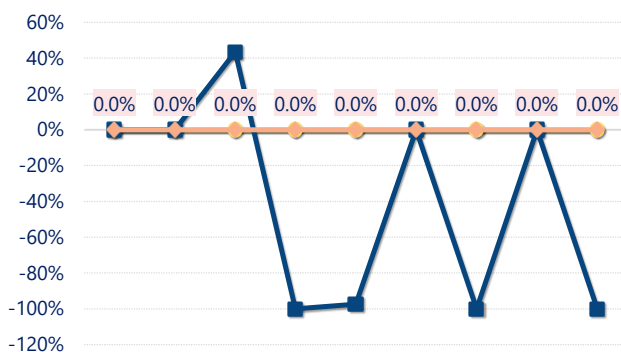


Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

— Tăng trưởng LN thuần (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

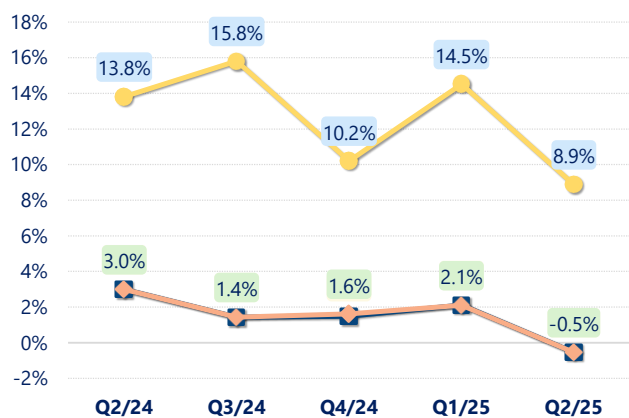


Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

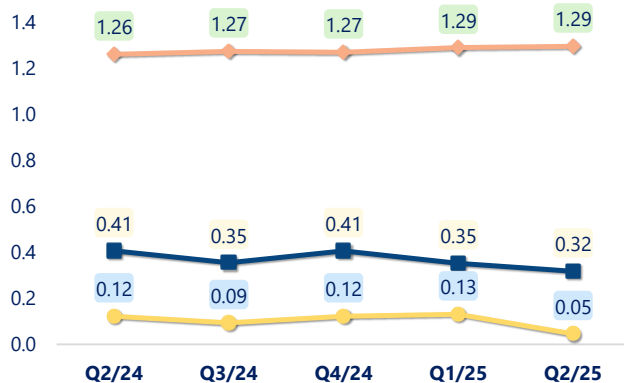


Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

— Tỷ suất LN gộp — Tỷ suất LN thuần — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

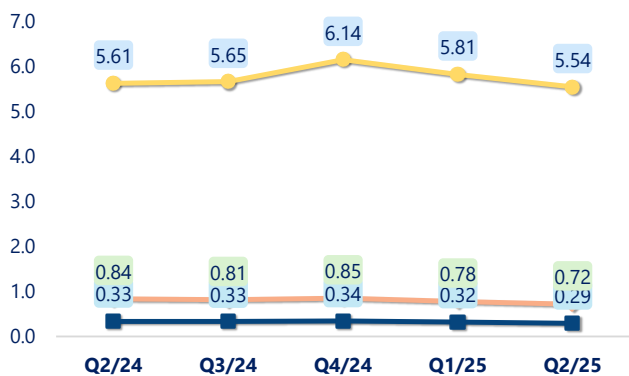


Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

— Tỷ số thanh toán tiền mặt — Tỷ số thanh toán nhanh
— Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

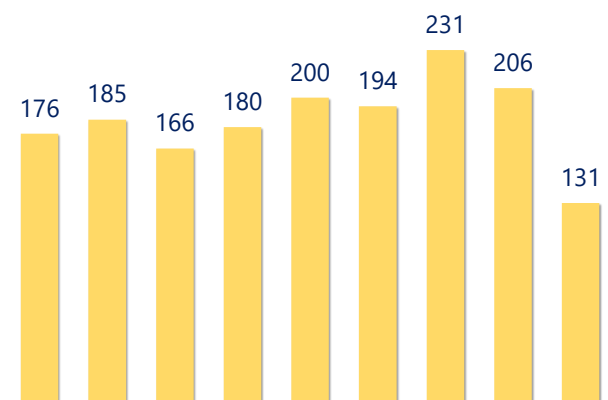


Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

— Vòng quay TSCĐ — Vòng quay Tổng TS
— Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	20.5	29.9	-31.3%	39.4	59.5	-33.8%
Giá vốn hàng bán	18.7	25.8	-27.5%	34.8	51.1	-31.8%
Lợi nhuận gộp	1.82	4.13	-55.8%	4.56	8.41	-45.8%
Doanh thu HĐTC	0.95	0.77	24.0%	1.35	1.06	27.9%
Chi phí TC	0.03	0.03	-14.6%	0.03	0.03	-10.2%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.23	0.38	-40.4%	0.40	0.76	-46.9%
Chi phí QLDN	2.64	3.60	-26.7%	5.19	7.16	-27.6%
LN thuần từ HĐKD	-0.11	0.90	-112%	0.29	1.52	-81.0%
Lợi nhuận khác	0	0.00		0.00	0.00	-112%
LN trước thuế	-0.11	0.89	-112%	0.28	1.51	-81.2%
Lợi nhuận sau thuế	-0.11	0.89	-112%	0.18	1.51	-88.2%
LNST của CĐ cty mẹ	-0.11	0.89	-112%	0.18	1.51	-88.2%

(Nguồn: fireant.vn)

